

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DSST

Ngày: 13-01-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát Viên.

Trong ngày 16-12-2021 và ngày 13-01-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXX ngày 12 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 30-11-2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 16-12-2021; Thông báo mở lại phiên tòa dân sự ngày 27-12-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên P; địa chỉ trụ sở: Tầng A, tầng B và tầng C, tòa nhà H, Số NQ, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chee Keng E, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lương Tú Mai H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C theo Giấy uỷ quyền số: 799 ngày 02-12-2019.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Tú Mai H: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, chức vụ: Phó Giám đốc, theo giấy uỷ quyền ngày 01-4-2021 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hà Văn N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: ấp L, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp N1, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021 và các lời khai của đại theo ủy quyền của nguyên đơn, Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Ngày 02-6-2017 và ngày 24-7-2017, Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cho ông N, bà M vay số tiền 5.530.000.000 đồng với 05 Hợp đồng tín dụng số CLN/000322/17, số CLN/000323/17, số CLN/000392/17, số CLN/000393/17, số CLN/000394/17. Mục đích vay để mua 05 xe ô tô tải và 05 xe Sơ mi rơ mooc. Hai khoản vay được chia đều và hoàn trả thành 48 lần tương ứng với 48 tháng gốc và 49 tháng lãi. Lãi suất hiện tại là 10,6%/năm hoặc 0,88%/tháng. Lãi vay được tính theo từng tháng và thanh toán cùng với kỳ gốc vào ngày 10 hàng tháng.

Tài sản thế chấp là 05 xe ô tô tải và 05 xe Sơ mi rơ mooc theo 05 hợp đồng thế chấp tài sản số PBVN- CLB/000322/17, số PBVN- CLB/000323/17, số PBVN- CLB/000392/1,7 số PBVN- CLB/000393/17, số PBVN- CLB/000394/17 được hai bên ký chấp nhận ngày 02-6-2017 và ngày 24-7-2017 tại Ngân hàng.

Sau khi giải ngân, ông N bà M đóng tiền lãi đúng hạn đến kỳ gốc lãi tháng 7-2017. Sau đó, hàng tháng ông N đều thanh toán trễ hạn và chỉ thanh toán một phần của tiền gốc lãi hàng tháng. Ngày thanh toán cuối cùng là ngày 05-7-2019 cho một phần gốc của kỳ tháng 5-2018. Tổng số tiền ông N đã thanh toán đến ngày 05-7-2019 là 1.449.043.475 đồng, trong đó tiền gốc là 1.151.620.390 đồng và tiền lãi là 297.423.085 đồng. Ông N còn nợ 5.449.823.248 đồng, trong đó tiền gốc là 4.378.379.610 đồng, tiền lãi 1.071.443.638 đồng. Ông N bà M nợ khoản phải trả hàng tháng của nhiều tháng tiền. Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần nhưng ông bà cứ hẹn. Vào ngày 20-3-2020 và ngày 23-3-2020, Ngân hàng đồng ý cho ông N, bà M chuyển nhượng 04 xe ô tô tải SHACMAN đầu kéo và 04 chiếc Rơ mooc, sơ mi rơ mooc lần lượt mang biển số sau: 70C – 102.53; 70C – 102.50; 70C – 101.75; 70C – 101.29; 70R – 011.79; 70R – 010.62; 70R – 010.00; 70R – 011.81 cho ông Vũ Văn H với tổng số tiền 1.840.000.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí giữ xe từ tháng 8-2019 đến tháng 3-2020 là 64.000.000 đồng, chi phí công chứng sang tên là 8.000.000 đồng và một số chi phí khác, số tiền còn lại là 1.798.417.000 đồng đã được Ngân hàng thu vào tiền nợ gốc. Ông N còn nợ 3.651.406.293 đồng, trong đó tiền nợ gốc 2.579.962.610 đồng, tiền lãi 1.071.443.683 đồng.

Ông N bà M đã cam kết kể từ ngày 20-3-2020 sẽ thanh toán toàn bộ phần gốc lãi còn lại của khoản vay trong thời hạn 10 năm nhưng đến nay Ngân hàng cũng chưa nhận thêm các khoản thanh toán nào từ ông N bà M.

Ngân hàng xác định đến thời điểm này thì ông N bà M đã thanh toán xong 02 Hợp đồng số CLN/000393/17, số CLN/000394/17 ngày 24-7-2017. Hiện còn nợ gốc và lãi theo 03 Hợp đồng tín dụng số CLN/000322/17, số CLN/000323/17 ngày 02-6-2017 và Hợp đồng tín dụng số CLN/000392/17 ngày 24-7-2017.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N, bà M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 4.238.058.596 đồng, trong đó nợ gốc là 2.579.962.610 đồng, tiền lãi vay quá hạn và lãi phạt tạm tính đến hết ngày 17-5-2021 là 1.658.095.986 đồng (trong

đó tiền lãi trong hạn 1.388.135.525 đồng; lãi phạt quá hạn lãi là 69.406.776 đồng; lãi phạt quá hạn gốc là 200.553.685 đồng).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất theo Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông N bà M đã ký kết cụ thể:

+ Số tiền gốc quá hạn: Số tiền gốc quá hạn mỗi kỳ x 150% lãi suất hiện tại (từng giai đoạn) x số ngày trễ hạn 365 ngày (từ ngày 10-3-2018 đến ngày 17-5-2021), có gửi kèm bảng chi tiết;

+ Số tiền lãi phạt trên lãi quá hạn: Lãi quá hạn tại mỗi thời điểm x 5% kể từ ngày 10-3-2018 đến ngày 17-5-2021, có gửi kèm bảng chi tiết.

Ngân hàng yêu cầu ông N, bà M tiếp tục trả tiền lãi vay và lãi phạt theo 03 Hợp đồng tín dụng số CLN/000322/17, số CLN/000323/17 ngày 02-6-2017 và Hợp đồng số CLN/000392/17 ngày 24-7-2017 cho đến khi ông N bà M thi hành xong các khoản vay.

Tại Tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu nếu ông N, bà M không thanh toán các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp là Sơ mi rơ mooc tải nhãn hiệu CIMC có biển kiểm soát: 70R – 011.56 và xe ô tô tải SHACMAN đầu kéo có biển kiểm soát: 70C – 105.37 để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên.

Ngoài ra, đại diện Ngân hàng không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M vắng mặt: Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông N, bà M; ông N bà M không có ý kiến bằng văn bản cũng như không giao nộp chứng cứ cho Tòa án. Do đó ông N, bà M phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV P – Chi nhánh C đối với Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông N, bà M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 4.238.058.596 đồng, trong đó tiền gốc là 2.579.962.610 đồng, tiền lãi chậm trả và lãi phạt tạm tính đến 17-5-2021 là 1.658.095.986 đồng, yêu cầu tính lãi đến khi trả nợ

Trường hợp ông N, bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 70C-105.37 và xe rơ-mooc biển số 70R-011.56 theo đúng quy định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan yêu cầu, đề nghị của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về tố tụng: Bị đơn Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp LH (nay là ấp L), xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Nhưng ông N, bà M đã bỏ đi khỏi địa phương và vắng mặt tại nơi cư trú từ năm 2012 đến nay. Công an xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu xác nhận ông N, bà M không đăng ký hộ khẩu thường trú; tạm trú tại địa phương nhưng ông N, bà M có sinh sống tại ấp N1, xã C, Huyện D. Đến khoảng tháng 9-2019 ông N, bà M bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống. Hiện nay ông N, bà M ở đâu, chính quyền địa phương không biết.

Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì ông N, bà M được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định để ông N, bà M đến Toà án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng ông N, bà M vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông N, bà M.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là ba năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 02-6-2017 và ngày 24-7-2017 Ngân hàng có cho ông N bà M vay số tiền 5.530.000.000 đồng, tính đến ngày 20-10-2020 ông N bà M còn nợ 3.898.080.160 đồng. Ngày 01-4-2021, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu ông N bà M hoàn trả số tiền 3.898.080.160 đồng nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về nội dung*: Ngày 02-6-2017 và ngày 24-7-2017 Ngân hàng có cho ông N bà M vay số tiền 5.530.000.000 đồng, mục đích vay để mua 05 xe ô tô tải và 05 xe Sơ mi rơ mooc. Hai bên có ký 05 Hợp đồng tín dụng số CLN/000322/17, số CLN/000323/17, số CLN/000392/17, số CLN/000393/17, số CLN/000394/17. Tài sản thế chấp là 05 xe ô tô tải và 05 xe Sơ mi rơ mooc theo 05 hợp đồng thế chấp tài sản số PBVN- CLB/000322/17, số PBVN- CLB/000323/17, số PBVN- CLB/000392/1,7 số PBVN- CLB/000393/17, số PBVN- CLB/000394/17 được hai bên ký chấp nhận ngày 02-6-2017 và ngày 24-7-2017 tại Ngân hàng. Sau khi giải ngân, ông N bà M đã trả được 2.950.037.390 đồng, còn nợ tiền nợ gốc là 2.579.962.610 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông N bà M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17-5-2021 là 4.238.058.596 đồng; yêu cầu Tòa án tính lãi suất, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi vay và lãi phạt theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi ông N bà M thi hành xong các khoản vay.

Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông N bà M hoàn trả số tiền 4.238.058.596 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết Ngân hàng đã cung cấp 05 Hợp đồng tín dụng; 05 Hợp đồng thế chấp tài sản; 02 giấy chứng nhận đăng ký: 01 xe Sơ mi rơ mooc tải nhãn hiệu CIMC có biển kiểm soát 70R – 011.56 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN đầu kéo có biển kiểm soát 70C – 105.37; bảng chiếc tính tiền lãi đối với ông N bà M. Qua đó, có cơ sở xác định ông N bà M có vay số tiền 5.530.000.000 đồng của Ngân hàng và đã trả được 2.950.037.390 đồng là có thật. Do ông N bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N bà M trả tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17-5-2021 tổng cộng 4.238.058.596 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông N bà M. Buộc ông N bà M có nghĩa vụ trả số tiền 4.238.058.596 đồng cho Ngân hàng là phù hợp pháp luật.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất theo 03 Hợp đồng tín dụng số CLN/000322/17, số CLN/000323/17 ngày 02-6-2017 và Hợp đồng số CLN/000392/17 ngày 24-7-2017 mà hai bên đã ký kết cụ thể: Lãi suất trong hạn 0,88%/tháng, lãi quá hạn 5%/lãi, lãi phạt 150%/vốn gốc.

Xét yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, khi vay tiền ông N bà M có ký kết hợp đồng tín dụng, có thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt trên lãi quá hạn thể hiện cụ thể rõ ràng trong hợp đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng là phù hợp.

[3] Đối với việc Ngân hàng yêu cầu: Trong trường hợp ông N, bà M không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông N bà M. Xét yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở. Bởi lẽ, khi ông N bà M vay tiền của Ngân hàng thì ông N bà M có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô và Sơ mi Rơmooc tải để đảm bảo số tiền vay.

Quá trình giải quyết Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Tây Ninh có gửi Công văn số 398/XM – ĐKX ngày 20-12-2021, xác nhận hiện nay xe ô tô tải SHACMAN đầu kéo có biển kiểm soát: 70C – 105.37 và Sơ mi rơ mooc tải nhãn hiệu CIMC có biển kiểm soát: 70R – 011.56 đang thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 02-6-2017 và không sang nhượng cho người khác. Do đó, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông N, bà M khi có yêu cầu.

[4] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C](#) đối với ông N, bà M. Hội đồng xét xử xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông N bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 357, 429, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C** đối với Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C** số tiền 4.238.058.596 (bốn tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm chín mươi sáu) đồng. Trong đó nợ gốc là 2.579.962.610 đồng, tiền lãi vay quá hạn và lãi phạt tính đến hết ngày 17-5-2021 là 1.658.095.986 đồng.

Kể từ ngày 18-5-2021, ông N bà M còn phải tiếp tục trả tiền lãi vay và lãi phạt cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng số CLN/000322/17 ngày 02-6-2017; Hợp đồng số CLN/000323/17 ngày 02-6-2017 và Hợp đồng số CLN/000392/17 ngày 24-7-2017 cho đến khi ông N bà M thi hành xong các khoản vay.

Trường hợp ông N, bà M thanh toán hết nợ thì **Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C** tiến hành thực hiện thủ tục giải chấp các tài sản đảm bảo và hoàn trả cho ông N bà M bản chính hồ sơ pháp lý của tài sản đảm bảo gồm: 02 giấy chứng nhận đăng ký Sơ mi rơ mooc tải nhãn hiệu CIMC có biển kiểm soát 70R – 011.56 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu SHACMAN đầu kéo có biển kiểm soát 70C – 105.37 do Ông Hà Văn N đứng tên.

Trường hợp, ông N bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi 02 tài sản bảo đảm cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: PBNV – CLN/000323/17 ngày 02-6-2017, 01 Sơ mi rơ mooc hiệu CIMC Biển số: 70R – 011.56, số đăng ký: 000831 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04-5-2017.

+ Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: PBNV – CLN/000392/17 ngày 24-7-2017, 01 xe ô tô tải hiệu SHACMAN Biển số: 70C - 105.37, số đăng ký: 017068 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14-7-2017.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.238.059 (một trăm mười hai triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, không trăm năm mươi chín) đồng.

Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C không phải chịu án phí.

Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Ngân hàng TNHH MTV P - Chi nhánh C số tiền 54.980.000 (năm mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0005729 ngày 06-4-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh tây Ninh.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(đã ký)

Đào Thị Hiền